TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK** Bản án số:106/2024/DS-ST Ngày 09- 07 – 2024 "V/v Đòi tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Hưng
2. Bà Trần Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 và ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 743/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/QĐST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/QĐST-DS ngày 06 tháng 06 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1957(Vắng mặt).
Địa chỉ: 41 P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Người được ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm: 1994 (Có mặt)
Địa chỉ: C22 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
2.Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng Y
Đại diện theo pháp luật- ông Trương Quang L(Vắng mặt).
Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk
-Người được ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm; 1973(Vắng mặt)
Địa chỉ: 24 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
3.1Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1973 (Vắng mặt)
Địa chỉ: 24 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk
3.2 Ông Trương Quang V- sinh năm: 1978(Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: 114 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa người

được ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Khoảng năm 2004, 2005 Công ty TNHH xây dựng Y (đại diện là ông Nguyễn Hữu Đ, Giám đốc công ty Yến Ngân tại thời điểm đó) có vay bà Vũ Thị C một khoản tiền và tài sản là vàng để mua xe lu và máy ủi phục vụ cho hoạt động xây dựng công ty, cụ thể:

- Năm 2004, Công ty Yến Ngân vay số tiền là 300.000.000 đồng.

- Năm 2005, Công ty Yến Ngân tiếp tục vay 10 cây vàng bốn số 9999, quy đổi ra tiền mặt tại thời điểm hiện tại tương đương số tiền là 690.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty TNHH xây dựng Y còn nợ bà C là 990.000.000 đồng. Vì lúc cho vay mượn tiền vàng trên thì ông Đ thời điểm đó là con rể và làm giám đốc đến năm 2012, còn từ năm 2012 đến nay thì ông Trương Quang L là chồng làm giám đốc, nên lúc đó cho vay mượn là mẹ, con nên không viết giấy vay mượn.

Đến ngày 26/9/2023, bà C đã gửi văn bản thông báo xác nhận công nợ và yêu cầu Công ty TNHH xây dựng Y hoàn trả tiền, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phía Công ty TNHH xây dựng Y phải thanh toán toàn bộ số nợ trên cho bà C. Sau khi nhận được thông báo, Công ty TNHH xây dựng Y đề nghị bà C chuyển đơn cho ông Đ xác nhận khoản vay giữa bà C với công ty. Ngay sau đó, ông Đ cũng đã xác nhận còn nợ bà C số tiền là 990.000.000 đồng có chữ ký xác nhận của ông Đ và Công ty TNHH xây dựng Y.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cam kết trong thời hạn 10 ngày sẽ cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ là bản tổng hợp công nợ từ năm 2027 có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Hữu Đ và đóng dấu của Công ty TNHH xây dựng Y. Tuy nhiên đại diện ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp được bản gốc tài liệu này mà cung cấp bản gốc tổng hợp công nợ từ năm 2027 có chữ ký của ông Nguyễn Hữu Đ đề nghị Tòa án giải quyết, đồng thời cho rằng bản gốc tổng hợp công nợ từ năm 2027 là do ông Nguyễn Hữu Đ viết nhầm năm 2027.

Do đã quá thời hạn trả nợ nhưng Công ty TNHH xây dựng Y vẫn chưa thanh toán nợ cho bà Vũ Thị C.

Vì vậy, bà C đã khởi kiện ra Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đề nghị Tòa án xét xử tuyên:

- Buộc Công ty TNHH xây dựng Y trả cho bà Vũ Thị C 300.000.000 đồng và 10 cây vàng 9999.

- Buộc Công ty TNHH xây dựng Y phải trả lãi phát sinh theo quy định của pháp luật là 10%/năm đối với khoản tiền nêu trên (từ ngày 26/9/2023 đến nay). Số tiền lãi tạm tính đến nay khoảng 12.100.000 đồng.

2. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Vào thời điểm năm 2004 – 2005 tôi (Nguyễn Hữu Đ) là giám đốc Công ty TNHH xây dựng Y, từ thời điểm năm 2012 đến nay thì ông Trương Quang L là giám đốc của Công ty TNHH xây dựng Y. Tôi khẳng định thời điểm năm 2004 – 2005 tôi là đại diện theo pháp luật của công ty không vay khoản tiền 300.000.000 đồng và 10 cây vàng 9999 của bà Vũ Thị C theo như nội dung khởi kiện. Yêu cầu bà Vũ Thị C cung cấp tài liệu chứng cứ gốc liên quan đến khoản nợ này. Nếu là khoản vay của Công ty TNHH xây dựng Y thì Công ty TNHH xây dựng Y sẽ trả cho bà Vũ Thị C, nếu là khoản vay của cá nhân tôi thì cá nhân tôi sẽ có nghĩa vụ trả

cho bà C. Trường hợp bà C không chứng minh được nội dung khoản nợ nói trên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C.

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Đối với với nội dung khởi kiện của bà Vũ Thị C yêu cầu Công ty TNHH xây dựng Y trả số tiền 300.000.000 đồng và 10 cây vàng 9999 của bà Vũ Thị C thì ông Trương Quang L có chỉ đạo tôi xem xét và yêu cầu bà C cung cấp giấy vay mượn tiền này. Đồng thời tại thời điểm này ông L giám đốc Công ty TNHH xây dựng Y đề nghị tôi tổng hợp các khoản nợ của Công ty TNHH xây dựng Y và có bảo tôi đưa khoản tiền vay của bà C vào, nếu bà C không có chứng cứ giấy vay mượn thì không trả. Theo lệnh của ông L thì tôi đã lập bản tổng hợp công nợ mà bên nguyên đơn cung cấp để trình ông L xem và tôi đã lập và ký tên thành viên công ty. Do bà C không cung cấp được giấy vay mượn năm 2004 và năm 2005 nên yêu cầu của bà C là không có cơ sở. Số liệu trong bản tổng hợp công nợ mà bà C cung cấp cho Tòa án là không có giá trị.

Ông Trương Quang L và bà Vũ Thị C là vợ chồng nhưng đã ly thân hơn 10 năm nay. Tôi là con rể của ông L, bà C từ năm 1999 đến năm 2012 thì ly hôn. Đối với ông Trương Quang V hiện nay chưa phải là thành viên Công ty TNHH xây dựng Y.

4.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Quang V trình bày:

Tôi là con ruột của ông Trương Quang L và bà Vũ Thị C. Công ty TNHH xây dựng Y có 3 thành viên gồm ông Trương Quang L, ông Nguyễn Hữu Đ và ông Trương Quang V.

Vào năm 2004 và 2005 tôi được biết Công ty TNHH xây dựng Y có vay mượn 300.000.000 đồng và 10 cây vàng 9999 của bà Vũ Thị C để mua xe lu và xe ủi của Công ty TNHH xây dựng Y. Giữa ông Đ và ông L có lập bản tổng hợp công nợ của Công ty TNHH xây dựng Y trong đó có khoản nợ của bà C. Bản tổng hợp công nợ của ông L và ông Đ có chữ ký đống dấu của Công ty TNHH xây dựng Y nhưng thiếu chữ ký của tôi nên ông Đ đã liên hệ và yêu cầu tôi lên Công ty TNHH xây dựng Y ký xác nhận và biên bản họp thành viên. Bản tổng hợp công nợ này để chốt số liệu.Vì vậy, bà C khởi kiện buộc Công ty TNHH xây dựng Y phải trả 300.000.000 đồng và 10 cây vàng 9999 thì tôi xác định là Công ty TNHH xây dựng Y có nợ bà vũ Thị C C. Tôi cung cấp cho Tòa án 02 bản án liên quan đến thành viên Công ty TNHH xây dựng Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Kiện đòi tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C thì nguyên đơn xác định khi vay không có giấy tờ ký vay. Tuy nhiên sau khi bà Vũ Thị C gửi thông báo ngày 26/9/2023 yêu cầu Công ty TNHH xây dựng Y trả nợ thì ông Trương Quang L có ký đóng dấu bản tổng hợp công nợ và hiện nay Công ty TNHH xây dựng Y đang giữ bản tổng hợp trên và không cung cấp được bản gốc cho Tòa án bản tổng hợp công nợ từ năm 2027 có chữ ký đóng dấu giám đốc Công ty TNHH xây dựng Y. Nguyên đơn chỉ cung cấp bản xác nhận công nợ từ năm 2027 chỉ có chữ ký của ông Nguyễn Hữu Đ là thành viên Công ty TNHH xây dựng Y ký sau ngày 26/9/2023 mà ông Nguyễn Hữu Đ đã thừa nhận.

Hội đồng xét thấy: Trong bản tổng hợp công nợ từ năm 2027 chỉ có chữ ký của ông Nguyễn Hữu Đ là thành viên Công ty TNHH xây dựng Y ký sau ngày 26/9/2023 có ghi khoản nợ của bà C là tiền tiền mặt, xe lu và bản tổng hợp công nợ trên có nội dung ghi chú: "Trong các khoản nợ trên, ông L sẽ có trách nhiệm làm việc xin giảm tiền lãi phát sinh của khoản nợ bên đơn vị nhà nước. Ông Đ có trách nhiệm thương lượng giảm lãi các đơn vị tư nhân và cá nhân.

Các thành viên góp vốn tại Công ty thống nhất các khoản nợ nêu trên và đồng ý thanh toán các khoản nợ này khi sang nhượng toàn bộ tài sản công ty".

Như vậy giữa ông Nguyễn Hữu Đ và ông Trương Quang L đã thừa nhận lập danh sách đối với các khoản vay theo bản tổng hợp công nợ từ năm 2027 cho đến nay của Công ty TNHH xây dựng Y và xin giảm lãi các đơn vị tư nhân và cá nhân để thống nhất các khoản nợ trên và đồng ý thanh toán các khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy tờ xác nhận nợ trên phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C vì trong bản tổng hợp công nợ từ năm 2027 cho đến nay đều ghi khoản nợ của bà C và phù hợp với lời khai của ông Trương Quang V là thành viên Công ty TNHH xây dựng Y cũng xác nhận là Công ty TNHH xây dựng Y có nợ số tiền 300.000.000 đồng và 10 cây vàng 9999 của bà C vào năm 2004 và 2005. Do vậy xét yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C là có căn cứ nên cần buộc Công ty TNHH xây dựng Y phải trả 300.000.000 đồng và 10 cây vàng 9999 cho bà Vũ Thị C là có căn cứ chấp nhận.

[3].Về lãi suất: Bà Vũ Thị C yêu cầu buộc Công ty TNHH xây dựng Y phải tính lãi từ ngày 26/9/2023 đến ngày 05/7/2024 cho bà C là 09 năm 21 ngày. Theo giá vàng tại Trung tâm kim hoàn PNJ Buôn Ma Thuột thì giá vàng 9999PNJ bán ra là 7.600.000 đồng/chỉ quy ra: 10 cây vàng 9999= 760.000.000 đồng; tính lãi cụ thể:

300.000.000 đồng x 10/%/năm x 09 tháng 21 ngày = 24.249.000đồng

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Vũ Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là hợp đồng vay tài sản tuy nhiên đã quá thời hạn tranh chấp hợp đồng vay theo Bộ luật dân sự nên xác định đây là vụ án tranh chấp đòi tài sản nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Vũ Thị C theo quy định là 24.249.000đồng

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH xây dựng Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật cụ thể: Như vậy:

36.000.000 đồng + (200.060.000 đồng x 3%)= 42.001.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi 24.249.000 đồng do bị bác yêu cầu. Tuy nhiên bà Vũ Thị C là người cao tuổi có đơn xin miễn tiến án phí nên bà Vũ Thị C được miễn tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 256, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C về việc:

-Buộc Công ty TNHH xây dựng Y phải trả số tiền 300.000.000 đồng và 10 cây vàng 9999 cho bà Vũ Thị C.

-Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C về việc buộc Công ty TNHH xây dựng Y phải trả 24.249.000 đồng tiền lãi xuất kể từ ngày 26/9/2023 đến ngày 05/7/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự: Bị đơn Công ty TNHH xây dựng Y phải nộp: 42.001.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị C được miễn tiền án phí dân sự theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ